

Bản án số: 426/2025/HS-PT

Ngày: 22-8-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Viết Hùng

2. Ông Ngô Đức Thụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Đăng Khương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 306/2025/HSPT ngày 09 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T do có kháng cáo của bị cáo Ngọc T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 116/2025/HS-ST ngày 04-6-2025 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Ngọc T; Giới tính: Nam; Sinh ngày 13/12/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT: H4, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: tài xế giao hàng; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con của ông Nguyễn Ngọc T1 và con của bà Mai Thị Phương T2; Bị cáo chưa có vợ, chưa có con; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người bào chữa:

Luật sư Trịnh Đắc M, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, làm việc tại Văn phòng L, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T (có mặt).

- Bị hại không kháng cáo:

1. Anh Trần Hoàng Minh P, sinh năm 1999; nơi cư trú: C, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Anh Hoàng Trần T3, sinh năm 1981; nơi cư trú: Y, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 03/9/2024, tại doanh trại Tiểu đoàn D – Trung đoàn Cảnh sát cơ động (nay là Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động số 4), địa chỉ số B Quốc lộ E, Phường Q, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), Hạ sĩ Trần Huỳnh Minh P1 – chiến sĩ Đại đội 1 – Tiểu đoàn 4 phát hiện mất số tiền 400.000 đồng và P1 nghi ngờ Nguyễn Ngọc T là chiến sĩ cùng đơn vị lấy trộm tiền nên đã báo cáo lên Ban chỉ huy các cấp. Qua làm việc, T đã thừa nhận đã trộm tiền của anh Trần Huỳnh Minh P1 và anh Hoàng Trần T3.

Ngày 11/11/2024, Công an Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 18297/PX01-D3 về hình thức kỷ luật Tước danh hiệu Công an nhân dân đối với Nguyễn Ngọc T. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để làm rõ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Ngọc T đã khai nhận hành vi trộm cắp như sau:

- Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 21/8/2024, lợi dụng lúc các cán bộ, chiến sĩ đơn vị đi phòng Tiểu đội vệ binh, T đã lấy trộm tiền trong túi quần của anh P1 200.000 đồng và sau đó vào một ngày khác (không nhớ rõ cụ thể), T tiếp tục lấy 200.000 đồng của anh P1.

- Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 22/8/2024, lợi dụng việc cán bộ, chiến sĩ đơn vị đi tác chiến tại sân bay T, T đã xuống phòng số 4 của anh Hoàng Trần T3 – chiến sĩ thuộc Trung đội 2 – Đại đội 2 lấy trộm 8.500.000 đồng (17 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) trong túi xách màu đen của anh T3.

- Vào khoảng 9 giờ 00 phút ngày 03/9/2024, khi anh P1 đang ngủ, T tiếp tục lấy trộm 400.000 đồng (hai tờ mệnh giá 200.000 đồng) của anh P1.

Tổng cộng trong 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp, T đã lấy tổng số tiền 9.300.000 đồng (trong đó của anh P1 là 800.000 đồng, anh T3 là 8.500.000 đồng). Số tiền trộm cắp được T sử dụng vào việc tiêu dùng cá nhân.

Lời khai của T tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của anh P1, anh T3 và các tài liệu khác có tại hồ sơ.

Ngày 29/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh) đã ban

hành Cáo trạng số 83/CT-VKS-Q8 truy tố Nguyễn Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2025/HS-ST ngày 04/6/2025, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 12/6/2025 bị cáo Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện, đồng thời xin giảm nhẹ hình và xin hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nhận thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng mức án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên mức án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc T xin Hội đồng xét xử xem xét về hoàn cảnh bị cáo có mẹ bệnh, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

- Luật sư Trịnh Đắc M trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T: về tội danh và khung hình phạt truy tố và xét xử bị cáo T thì Luật sư thống nhất, nhưng Luật sư cho rằng bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ và đủ điều kiện được hưởng án treo nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng mặc dù bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, nhưng bị cáo là công an nhân dân, lại phạm tội trong môi trường quân ngũ nên cần có

mức án nghiêm mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

- Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo lo cho ba mẹ và em của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1.1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với của bị cáo lời khai tại cấp sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở xác định: từ ngày 21/8/2024 đến ngày 03/9/2024, lợi dụng sự sơ hở của các chiến sĩ cùng đơn vị, Nguyễn Ngọc T đã nhiều lần lén lút chiếm đoạt tiền của các anh Trần Huỳnh Minh P1 và anh Hoàng Trần T3 với tổng cộng là 9.300.000 đồng (trong đó chiếm đoạt của anh P1 là 800.000 đồng và chiếm đoạt của anh T3 là 8.500.000 đồng).

[1.2] Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Ngày 04/6/2025 Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 12/6/2025 bị cáo Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo. Xét thấy, đơn kháng cáo của bị cáo T làm trong hạn luật định nên hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật Hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội nên phải xử mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Nhưng khi lượng hình Hội đồng xét xử còn xem xét đến tính chất của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo.

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1.1] Bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện bồi thường cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị hại có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Và Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo T.

[3.1.2] Khi anh P1 bị mất 400.000 đồng và báo cáo đơn vị thì bị cáo T đã thừa nhận, ngoài ra bị cáo T còn khai nhận trước đó đã nhiều lần lén lút chiếm đoạt tiền của anh P1, anh T3 (trong đó 01 lần lén lút chiếm đoạt của anh T3

8.500.000 đồng là tình tiết định tội trộm cắp tài sản) nên trong trường hợp này cần phải cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án*” theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3.2] Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt.

[3.3] Với hành phạm tội và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên thì mức hình phạt 09 tháng tù có phần nghiêm khắc nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bản thân bị cáo lúc đó là chiến sĩ công an nhân dân mà lén lút chiếm đoạt tiền ngay trong đơn vị của lực lượng vũ trang có tính tổ chức kỷ luật nghiêm ngặt là thể hiện sự xem thường kỷ luật, do đó phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian bằng với mức khởi điểm của khung hình phạt đã truy tố là đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Ngọc T không phải nộp.

[5] Lập luận trên đây là căn cứ để chấp nhận một phần lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 345; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2025;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T và sửa bản án hình sự sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Ngọc T** 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Ngọc T không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|---------------------------------|-----|
| - TAND Tối cao; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - Viện CT & KS XX tại TP.HCM ; | (1) |
| - P. PV06 - CA TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Người bào chữa; | (1) |
| - Trại giam; | (1) |
| - Phòng THADS KV10 – TP.HCM; | (1) |
| - TAND KV10 – TP.HCM; | (2) |
| - VKSND KV10 – TP.HCM; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Sở Tư pháp; | (1) |
| - Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ. (20) | (5) |

Ngô Ngọc Thắng